

LESSON 2**I. NEW WORDS**

- go shopping	: đi mua sắm
- go fishing	: đi câu
- go swimming	: đi bơi
- go hiking	: đi bộ đường dài
- go skating	: đi trượt băng
- go camping	: đi cắm trại
- cartoon	: phim hoạt hình
- you're welcome!	: không có gì
- in your free time	: trong thời gian rảnh của bạn